

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HC-PT

Ngày 08-6-2022

V/v “Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông Lê Tự

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 59/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông YL Êban. Địa chỉ: Số nhà 99, đội 5, buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đặng Anh T. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hồ Ngọc H – Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T H – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Trần Văn S – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2. Ông Phạm Duy T – Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn P – Phó Chi cục trưởng Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D – Phó Trưởng phòng Nhân sự - Pháp chế. Có mặt.

2. Nông trường C – Chi nhánh Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk. Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang T – Giám đốc. Vắng mặt.

3. Bà HD Ayun;

4. Chị HD1 Ayun;

5. Chị HT Ayun;

Cùng địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà HD Ayun, chị HD1 Ayun, chị HT Ayun: Ông Đặng Anh T. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

6. Chị HH Ayun, vắng mặt

7. Chị HD2 Ayun, vắng mặt

8. Chị HD3 Ayun, có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của chị HD2 Ayun: Ông Đặng Anh T. Địa chỉ: I 10 Trần Khánh Dư, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông YL Êban.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Gia đình ông YL Êban có 14 ha đất trồng cao su tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đất có nguồn gốc trước đây là của ông YB Mlô khai hoang được 28 ha đất. Năm 1989 ông YB cùng 17 hộ gia đình làm đơn xin ký kết hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê với Liên hiệp các xí nghiệp Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk), đơn được ủy ban nhân dân xã C, huyện E xác nhận (nay là xã C, huyện C). Đến năm 1990, Công ty Cao su Đắk Lắk xét duyệt, ký kết hợp đồng với mục đích phía công ty cho ông YB vay tiền đầu tư trồng cao su. Ngày 26/9/1995, ông YL Êban nhận chuyển nhượng 14 ha đất trong tổng số 28 ha đất của ông YB Mlô. Hai bên lập giấy viết tay, có xác nhận của Ban tự quản khối 1 Buôn K, Trung tâm cao su C, UBND P.T, Công ty Cao su Đắk Lắk. Hai bên đã thanh toán xong tiền và đã bàn giao đất trên thực địa. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, trên đất trồng cây cao su, xen với cây cà phê. Từ sau khi

nhận chuyển nhượng, gia đình ông YL không thấy chính quyền địa phương triển khai, thông báo cho các hộ dân về việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 1998, cây cao su cho thu hoạch, bắt đầu từ đó, hàng năm gia đình ông YL phải nộp sản lượng khoán cho Công ty. Từ sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông YL vẫn nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp cho ủy ban nhân dân xã E. Đến năm 2018, gia đình ông YL được Công ty Cao su thông báo cho biết là 14 ha đất của gia đình ông đã được ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường C thuộc Công ty Cao su Đắk Lắk. Lúc này gia đình ông đi khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trả lời tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019, nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông YL. Về việc khiếu nại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho Nông trường C thuê 17.752.447 m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường C. Ông YL Êban xác định 14 ha đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông YL Êban.

Đại diện ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Năm 2001, UBND tỉnh Đắk Lắk nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 16.987.647 m² đất tại xã E, huyện C cho Nông trường cao su 1/5 (Nay là Nông trường C), hồ sơ gồm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, tờ trình của UBND huyện C, tờ trình của Sở địa chính, các tờ trích lục bản đồ địa chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2655/QĐ-UB ngày 06/9/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su 1/5, giấy chứng nhận số R596465.

Năm 2008, Nông trường C lập hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất và đề nghị UBND tỉnh cấp lại giấy chứng nhận cho nông trường, hồ sơ gồm đơn xin cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, các tờ trích lục bản đồ địa chính, báo cáo tình hình sử dụng đất, công văn của UBND huyện C về việc xin thuê đất và cấp giấy chứng nhận cho nông trường, tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngày 21/10/2008 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND về việc cho Nông trường C thuê 17.752.447 m², giấy chứng nhận số AH 434862 và AH 434861. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường C được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003.

Diện tích 14ha đất ông YL Êban khởi kiện nằm trong diện tích 1.775.244,7 m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 ngày 21/10/2018 của Nông trường C. Theo các tài liệu trong hồ sơ xin nhận khoán trồng cao su thể hiện ông YL Êban chỉ là người nhận chuyển nhượng lại 14 ha vườn cây cao su và trong quá trình nhận chuyển nhượng ông YL cam kết thực hiện mọi điều khoản trong hợp đồng kinh tế trồng mới và chăm sóc cao su mà ông YB Mlô đã

ký kết với Công ty cao su Đắk Lắk, ông YL phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các nội dung tại các hợp đồng mà ông YB Mlô đã ký trước đó.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông YL Êban có xuất trình chứng cứ là Giấy chuyển nhượng vườn cao su trồng năm 1990, Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B. Theo giấy chuyển nhượng vườn cao su trồng năm 1990 giữa ông YB Mlô và ông YL Êban và ông Đinh Công H ngày 26/9/1995 được Ban tự quản khối 1 buôn K và UBND phường T, TP.B xác nhận chỉ thể hiện ông YB Mlô có hộ khẩu thường trú ở buôn Kô Siêr, không thể hiện việc ông YB Mlô sang nhượng đất cho ông YL Êban. Theo Danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại buôn B do ông YB Mlô lập ngày 03/9/1989, được UBND xã C xác nhận ngày 09/9/1989 có nội dung 18 hộ dân có đất rẫy để trồng cà phê có vay vốn của Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk, tuy nhiên tại Kết luận của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk và Công văn trả lời của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện thời điểm UBND xã C xác nhận vào danh sách này là sau ngày 06/9/1995.

Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông YL Êban, nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông YL là phù hợp, đúng quy định. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông YL.

Quá trình tố tụng, người đại diện ủy quyền của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk trình bày:

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk và Tổng cục cao su Việt Nam về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc trồng cao su với Cộng hòa dân chủ Đức, ngày 23/11/1989 Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk (nay là Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk) đã ký kết hợp đồng với Xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp để khai hoang phục hóa 430 ha đất tại Nông trường 1/5 (đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk). Tại Biên bản nghiệm thu đợt 1 ngày 22/02/1990 thể hiện, đại diện chủ hộ liên kết ông YB Mlô xác nhận khối lượng diện tích đã khai hoang 100 ha hoàn chỉnh và cày rạch hàng.

Tháng 8/1989 ông YB Mlô, ông YG Mlô, ông Y Niê đứng tên trong đơn xin nhận 100 ha đất để liên kết trồng cao su. Ngày 20/3/1990 Công ty Cao su Đắk Lắk ban hành Quyết định số 01/90/QĐ-LH giao 100,7 ha đất đã khai hoang năm 1990 thuộc lô số 1, 4, 5, 13, 14 của Nông trường 1/5 (vùng Đội 5) cho ông YB Mlô để trồng cao su liên kết (kèm theo quyết định là mặt bằng vị trí khu đất liên kết năm 1990). Ngày 15/3/1991 ông YB Mlô trả lại cho Nông trường 1/5 diện tích 55,2ha, chỉ giữ lại 46,1 ha và ký kết hợp đồng vay vốn để trồng mới cao su. Năm 1993 ông YB Mlô tách cho bà HD Ayun (vợ ông YB Mlô) 18ha, còn lại 28ha là của ông YB Mlô. Năm 1995 ông YB Mlô chuyển nhượng lại 14ha vườn cao su cho ông YL Êban và 14ha vườn cao su cho ông Đinh Công Hoàng. Giấy chuyển nhượng có xác nhận đồng ý của Giám đốc Công ty cao su Đắk Lắk. Sau đó, năm 1996 Trung tâm cao su C ký kết hợp đồng vay vốn dài

hạn trồng mới và chăm sóc cao su với ông YL Êban và hợp đồng được thực hiện cho đến nay.

Ngày 06/9/2001 UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465, diện tích 16.987.647 m² cho Nông trường cao su 1/5 (Nay là Nông trường C), trong đó có 100,7ha đất mà trước đây Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk đã giao cho ông YB Mlô trồng cao su. Ngày 21/10/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường C thuê 17.752.447 m².

Phần diện tích đất 14ha cao su liên kết với ông YL Êban nằm trong tổng thể diện tích 17.752.447 m² được UBND tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường C thuê theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861.

Như vậy, 14ha đất trồng cao su mà ông YL khởi kiện nằm trong diện tích đất UBND tỉnh Đắk Lắk cho Công ty cao su Đắk Lắk thuê, sau đó Công ty giao lại cho ông YB Mlô để trồng cao su. Theo giấy chuyển nhượng vườn cây cao su thể hiện ông YB Mlô chỉ chuyển nhượng vườn cây cao su, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông YL là không có cơ sở. Việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Nông trường C đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, năm 2003. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông YL Êban.

Tại văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, Đại diện của Nông trường C trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk, đề nghị Tòa án. giải quyết đơn khởi kiện của ông YL theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và con của ông YL nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông YL.

Từ các nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST, ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; các Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông YL Êban về việc: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/11/2019 ông YL Êban có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông YL Êban cho rằng 14 ha đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là do ông nhận chuyển nhượng của ông YB Mlô, không liên quan gì đến Công ty cao su Đắk Lắk. Năm 2001, Công ty cao su Đắk Lắk đăng ký quyền sử dụng đất, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 2655/QĐ-UB ngày 6/9/2021 cấp cho Công ty cao su 1/5 thuê 16.987.647 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465 không liên quan gì đến 14 ha đất của ông YL Êban. Đến ngày 21/8/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2782 /QĐ-UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Công ty cao su C 1/5 thuê 17.752.447 m² trong đó có 1,4 ha đất của gia đình ông YL Êban. Công ty cao su Đắk Lắk đã cung cấp hợp đồng giả mạo để Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Y L1 Êban là không đúng. Nay ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông YL Êban, đồng thời tại đơn kháng cáo ông Y L1 Êban có trình bày liên quan một số quyền lợi dân sự trên thửa đất.

Diễn biến việc giải quyết vụ án: Ngày 13/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 164/HC-PT đã quyết định:

1. *Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HCST, ngày 08/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.*

2. *Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.*

Sau khi xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có văn bản Kiến nghị lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã có Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 47/2021/KNHC ngày 01/10/2021, tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/2022/HC-GĐT ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

1. *Chấp nhận quyết định kháng nghị.*

2. *Hủy bản án hành chính phúc thẩm.*

3. *Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.*

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/6/2022 người đại diện theo ủy quyền của ông YL Êban, ông Đặng Anh T giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát phiên tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông YL Êban, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên toà. Xét kháng cáo của ông Y L1 Êban, xét thấy:

[1]. Xem xét nguồn gốc đất có diện tích 14 ha thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 17 xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận thấy, nguồn gốc trước đó là do Liên hợp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk khai hoang, phục hóa để thực hiện dự án vay vốn và hợp tác với Cộng hòa dân chủ Liên bang Đức theo các quyết định số 84/CT ngày 25/3/1988 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về việc giao UBND tỉnh Đắk Lắk trực tiếp nhận vốn vay và thực hiện dự án và Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 13/4/1988 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk trực tiếp nhận vốn vay và thực hiện dự án trồng 10.000 ha cao su theo Hiệp định hợp tác với Cộng hòa dân chủ Liên bang Đức. Vào tháng 8 và tháng 9 năm 1989 các ông YB Mlô, Y G Mlô và Y R Mlô có đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê gửi Tổng giám đốc Liên hợp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk về việc xin khai hoang 100 ha, sau đó ngày 16/12/1989 ông YB Mlô ký hợp đồng kinh tế dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên với Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk (BL130), ngày 20/3/1990 Tổng Giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp cao su Đắk Lắk ban hành Quyết định số 01/90/QĐ-LH về việc giao 100,7 ha đất khai hoang năm 1990 thuộc các lô 1, 4, 5, 13 và 14 của nông trường 1/5 cho ông YB Mlô để trồng cao su liên kết. Ngày 15/3/1993 ông Y Bih Mlô trả lại cho Nông trường 1/5 diện tích 55,2 ha còn 46,1 ha thì ký kết Hợp đồng liên kết trồng cao su. Trong số diện tích đất nêu trên, năm 1995 ông YB Mlô đã chuyển nhượng cho ông YL Êban 14 ha, có sự xác nhận, đồng ý của Giám đốc Công ty cao su Đắk Lắk. Năm 1996, trung tâm cao su C ký kết Hợp đồng vay vốn dài hạn với ông YL Êban, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích thửa đất 14 ha do ông YL Êban nhận chuyển nhượng tài sản của ông Y Bih Mlô nằm trong thửa đất có diện tích 17.752.447 m² mà UBND tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường C thuê đất theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường C. Từ quá trình trên cho thấy diện tích 14 ha đất mà ông YL Êban yêu cầu thuộc quyền sử dụng của Nông trường C.

[2]. Theo các giấy tờ liên quan việc chuyển nhượng vườn cây cao su giữa ông YB Mlô với ông YL Êban thể hiện hai bên chỉ chuyển nhượng tài sản trên đất, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông YL Êban cũng đã cam kết tiếp tục thực hiện các điều khoản, nghĩa vụ theo các hợp đồng mà ông YB Mlô đã ký trước đó với Công ty cao su Đắk Lắk (BL 144,147).

[3]. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 cho Nông trường C là đúng quy định của pháp luật. Do ông YL Êban khiếu nại

UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông YL Êban là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền và nội dung pháp luật quy định.

Tại Bản án sơ thẩm đã tuyên xử bác toàn bộ khởi kiện của ông YL Êban về việc yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông YL Êban là có căn cứ, đúng pháp luật, ông YL Êban kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng đối với 14 ha đất nêu trên, do vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông YL Êban, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo ông YL Êban có trình bày một số nội dung yêu cầu về quyền lợi dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án hành chính, Tòa án không xem xét những nội dung nằm ngoài phạm vi đã khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đối với vụ án.

[4]. Về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Tuy ông YL Êban là người cao tuổi nhưng không có đơn đề nghị miễn án phí, do bác kháng cáo nên ông YL Êban phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác toàn bộ kháng cáo của ông YL Êban, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST, ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; các Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 49 Luật đất đai năm 2003.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông YL Êban về việc yêu cầu ủy quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại đối với ông YL Êban.

2. Về án phí sơ thẩm: Không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 14, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông YL Êban phải chịu 300.000 đồng án phí, được

trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã thu tại Biên lai số 0004087 ngày 27/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trương Công Thi